

Số: 419/BC-THPTML

Điện Biên Đông, ngày 26 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN
trường THPT Mường Luân năm 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Mường Luân công khai các nội dung tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Mường Luân
- Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử
 - Địa chỉ: xã Mường Luân – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên
 - SĐT: 0215 626 0889
 - Email: muongluan@gmail.com
 - Cổng thông tin điện tử: <http://thptmuongluan.dienbien.edu.vn/>
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp
 - Loại hình trường: Công lập
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục cao; để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường THPT không chuyên thuộc топ trung bình phải vươn lên trở thành trường trong топ khá của tỉnh để học sinh sẽ lựa chọn học tập và rèn luyện. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”.

Phấn đấu đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu riêng

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Mường Luân được thành lập năm 2004, đến nay nhà trường đã có 20 năm xây dựng và phát triển. Có thể nói đó là 20 năm phấn đấu không ngừng nghỉ của tất cả các thế hệ cán bộ giáo viên, nhân viên cũng như các thế hệ học sinh, đặc biệt là các thế hệ lãnh đạo đề hôm nay trường THPT Mường Luân có thể tự hào sánh vai với các trường bạn.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, với những thành tích tốt đẹp đã đạt được cùng những đóng góp to lớn trong sự nghiệp trồng người, trường THPT Mường Luân đã nhiều năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc”, Bằng khen của UBND tỉnh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Trần Đình Quang

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: xã Mường Luân – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên

- SĐT: 0973 630 633

- Email: haoquang82@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 56/2024/QĐ-UB, ngày 30/8/2024, Quyết định của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập trường THPT Mường Luân.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường

Quyết định số 3284/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 1258/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 103/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 1220/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Danh sách thành viên hội đồng trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ trong Hội đồng
1	Trần Đình Quang	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Lò Văn Khánh	Phó chủ tịch UBND xã Mường Luân	Thành viên
3	Nguyễn Thu Hiền	Giáo viên - TKHĐ	Thư ký
4	Hà Văn Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Vì Văn Dinh	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Trần Danh Tú	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
7	Vì Văn Chuẩn	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
8	Bùi Thị Riêu	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Nguyễn Thị Quỳnh Hải	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Vũ Chí Công	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Cà Thị Thu	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
14	Lò Văn Pâng	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
15	Lò Thị Dương	Đại diện học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Quyết định số: 2957/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2020 về việc bổ nhiệm lại ông Trần Đình Quang - Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân, huyện Điện Biên Đông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 10/9/2020.

Quyết định số: 310/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2022, về việc bổ nhiệm lại viên chức Vi Văn Dinh - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 01/6/2022.

Quyết định số: 420/QĐ-SGDĐT ngày 26/6/2024 về việc bổ nhiệm lại viên chức Hà Văn Tuấn - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 10/7/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

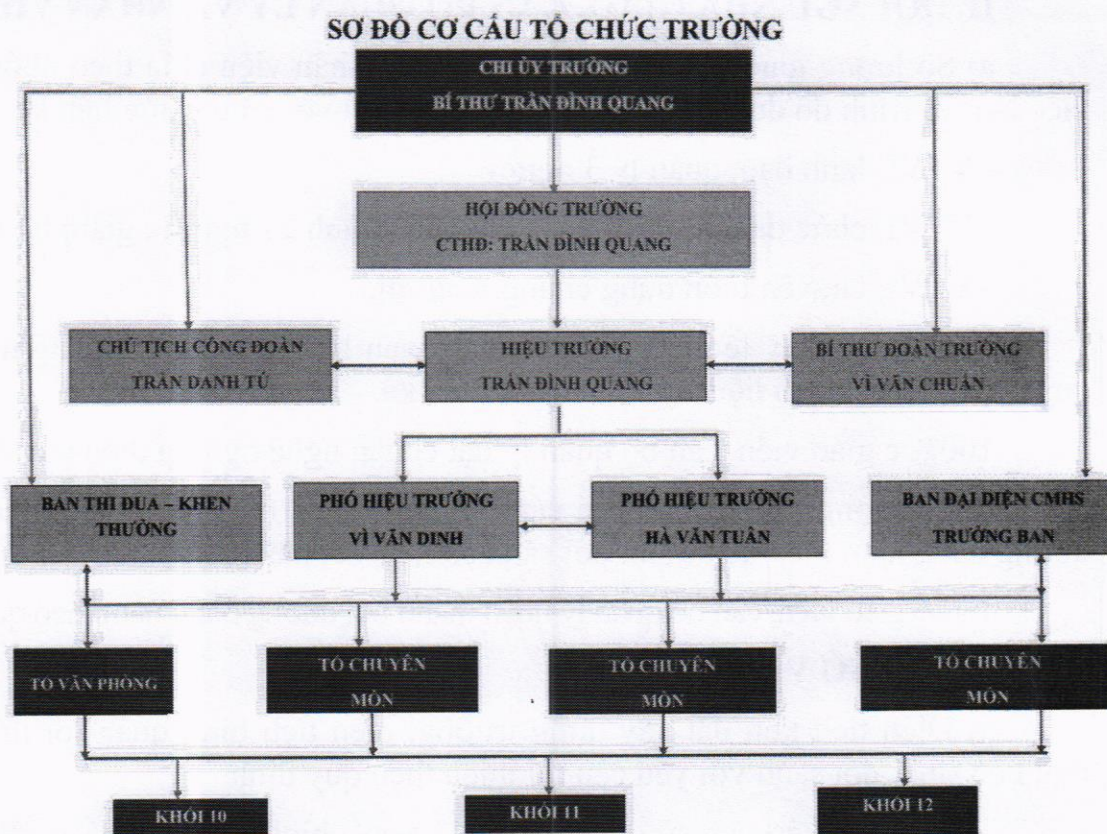
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch số: 37/KH-THPTML. ngày 17/02/2023 về kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Mường Luân giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 đã được Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Quyết định số: 288/QĐ-THPML ngày 02/10/2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong trường THPT Mường Lân năm học 2023 - 2024.

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Số 01/NQ-THPTML ngày 10/01/2024 và số 03/NQ-THPTML ngày 06/10/2023 năm học 2023-2024.

- Quyết định số 35/QĐ-THPTML ngày 14/02/2024 của trường THPT Mường Luân về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong trường học.

- Quyết định số: 226/QĐ-THPTML ngày 30/8/2023 của trường THPT Mường Luân về việc bổ nhiệm tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2023 - 2024.

- Quyết định số: 215/QĐ-THPTML ngày 09/9/2018 của trường THPT Mường Luân về việc ban hành quy tắc Ứng xử văn hóa trong trường học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo; đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

- VTVL lãnh đạo, quản lý 3 người.

- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành 27 người, giảm 01 người

- VTVL chuyên môn dùng chung 4 người.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

100% c giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

100% giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có diện tích sử dụng là 15043,8 m², bình quân 29,85 m²/học sinh đảm bảo theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Hiện trạng cơ sở vật chất		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
1	Khối phòng học						
	Chia ra: - Phòng học	phòng	12	12			
	- Phòng học bộ môn:	phòng					
	+ Vật lý	phòng	0				
	+ Hóa học, Sinh học	phòng	0				
	+ Phòng tin học	phòng	1	1			
	+ Phòng Ngoại ngữ	phòng	1		1		
	- Phòng chuẩn bị (1)	phòng	1	1			
2	Khối phòng phục vụ học tập						

TT	Hiện trạng cơ sở vật chất		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
	- Nhà tập đa năng	phòng	0				
	- Thư viện	phòng	1		1		
	- Phòng hoạt động Đoàn	phòng	1		1		
	- Phòng truyền thống	phòng	0				
3	Khối hành chính quản trị						
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1		1		
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	2		2		
	- Phòng kế toán	phòng	1		1		
	- Phòng thủ quỹ	phòng	1		1		
	- Phòng họp	phòng	1	1			
	- Phòng tổ chuyên môn	phòng	2	2			
	- Phòng Y tế	phòng	0				
	- Phòng bảo vệ	phòng	2	1		1	
	- Phòng CD	phòng	0				
4	- Phòng công vụ	phòng	9		9		
5	- Phòng nội trú	phòng	10		10		
6	- Nhà bếp	phòng	1			1	
7	Công trình khác						
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà	0				
	- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	Nhà	4	4			
	- Tường rào	hạng mục	1				
	- Hệ thống nước sạch	hạng mục	1				
	- Sân chơi	hạng mục	1				
	- Ga ra xe	hạng mục	1	1			

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu đảm bảo theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Lớp 10: 01 bộ; lớp 11: 01 bộ; lớp 12: 01 bộ; đảm bảo theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm học 2024 - 2025.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đối sánh số liệu với năm liền kề

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả đạt được với tiêu chí kiểm định đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được đồng thời nhà trường phấn đấu để đạt kiểm định chất lượng về giáo dục và đề nghị đánh giá ngoài.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước, đối sánh số liệu với năm liền kề

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Kết quả công tác tuyển sinh đến ngày 23/8/2024 là 180 học sinh so với năm học 2023-2024 giảm 46 học sinh, so kế hoạch giao 180/180 (100%).

	Tổng số	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Số lớp	12	4	4	4
Số học sinh	495	177	174	144
Tỷ lệ học sinh trên lớp	41,25	44,25	43,5	36
Số lớp học hai buổi trên ngày	0	0	0	0
Số học sinh học hai buổi trên ngày	0	0	0	0

Số học sinh dân tộc thiểu số: 489; số học sinh nữ : 211

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Số học sinh được lên lớp 472(93,65%), học sinh không được lên lớp 32(6,3%).

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Số học sinh Tốt nghiệp THPT $147/148 = 99.23\%$

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao năm 2024 nguồn 13: 10.608.460.000 đồng, tăng 9.422.719.322 đồng

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao năm 2024 nguồn 12: 3.405.720.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi thường xuyên đến 31 tháng 12 năm 2024 (chi tiền lương và phụ cấp theo lương, chi cơ sở vật chất và dịch vụ, chi hỗ trợ người học, chi khác..): 10.175.829.154 đồng.

- Chi không thường xuyên đến 31 tháng 12 năm 2024 (chi chế độ học sinh, cấp bù..): 3.019.579.555 đồng.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học 1 tháng/1 năm học 2024-2025.

* Học kỳ I năm học 2024-2025:

Bảng 1.1 Hỗ trợ chi phí học tập

STT	Nội dung	Đối tượng				Kinh phí	
		HTCPHT	Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%	HTCPHT	MGHP
1	Lớp 10	174				26.100.000	
2	Lớp 11	173				25.950.000	
3	Lớp 12	142				21.300.000	
Cộng		489				73.350.000	

*Ghi chú: Số tiền 73.350.000 đồng là số tổng tiền học sinh toàn trường được hỗ trợ 1 tháng.

Bảng 1.2 Miễn giảm học phí

STT	Nội dung	Đối tượng				Kinh phí	
		HTCPHT	Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%	Miễn 100%	Miễn 70%
1	Lớp 10	174	40	135			1.417.500
2	Lớp 11	173	42	126			1.323.000
3	Lớp 12	142	35	106			1.113.000
Cộng		489	119	367			3.853.500

*Ghi chú: Số tiền 3.835.500 là số tổng tiền học sinh toàn trường phải nộp 1 tháng sau khi đã giảm 70%.

Bảng 1.3 Tiền ăn, nhà ở

STT	Nội dung	Đối tượng		Tổng số học sinh	Kinh phí
		Trong trường	Ngoài trường		
1	Lớp 10	10	81	91	104.130.000
2	Lớp 11	11	84	88	100.386.000
3	Lớp 12	13	74	88	99.918.000
Cộng		35	239	267	304.434.000

* Ghi chú: Số tiền 304.434.000 là số tổng tiền học sinh toàn trường được hỗ trợ 1 tháng/1 năm học.

Bảng 1.4 Học bổng khuyết tật

STT	Nội dung	Đối tượng Khuyết tật	Tổng số học sinh	Kinh phí
1	Lớp 10	1	1	1.872.000
2	Lớp 11	1	1	1.872.000
3	Lớp 12	2	2	3.744.000
Cộng		4	4	7.488.000

* Ghi chú: Số tiền 7.488.000 là số tổng tiền học sinh được hỗ trợ 1 tháng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả các quỹ đặc thù (nếu có): không có

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Quản trị nhân sự: Căn cứ nguồn nhân lực hiện có và mới tuyển bổ sung, phân công nhiệm vụ, PCGD phù hợp, hiệu quả.
- Tuyển sinh: Đảm bảo theo Kế hoạch sở GD&ĐT giao 180 học sinh.
- Truyền thông: Thực hiện hiệu quả, truyền tải được các thông tin quan trọng trên fanpage ngành và website trường.
- Kết quả thực hiện đảm bảo an ninh trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn, đúng quy định.

Trên đây là nội dung công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai thường niên năm 2024 của trường THPT Mường Luân. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (phòng TTr để b/c);
- BGH;
- CD, ĐTN;
- GV, NV;
- Lưu: VT./.



Trần Đình Quang

